

Số: /BC-UBND

Đức Hợp, ngày 15 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến tháng 6 năm 2024 của xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

Đức Hợp là một xã ven đê, cách huyện Kim Động 9km về phía Tây. Phía Bắc giáp xã Phú Thịnh; phía Nam giáp sông Hồng và xã Quang Lăng, Hà Nội; phía Đông giáp thôn Thanh Sầm xã Đồng Thanh; phía Tây giáp xã Mai Động. Là một xã thuần nông, sống chủ yếu bằng trồng trọt và chăn nuôi thuần túy; nằm ngay bên bờ sông Hồng, hằng năm được bồi đắp những lớp phù sa màu mỡ, có tổng diện tích đất tự nhiên 753,54ha; diện tích đất canh tác là 427,54ha. Với tiềm năng đất đai của xã cho phép phát triển nông nghiệp toàn diện với nhiều loại cây trồng cho giá trị kinh tế cao. Xã có đường đê 378 liên tỉnh chạy qua rất thuận tiện cho thương gia buôn bán các sản phẩm từ địa phương đi các tỉnh đặc biệt là Hà Nội - trung tâm thương mại lớn của cả nước, dân số tự nhiên 2410 hộ, nhân khẩu 8810, có khoảng 4637 lao động hoạt động trên mọi lĩnh vực: Nông nghiệp, Thương mại, Công nghiệp.

Có 6 đơn vị hành chính được chia làm 6 thôn, 2 thôn nằm phía trong đê và 4 thôn nằm phía ngoài đê trong đó có 01 thôn Công giáo toàn tòng.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân xã Đức Hợp đã huy động sức người và sức của cho tiền tuyến. Với sự chỉ đạo của Đảng uỷ-HĐND-UBND và sự cố gắng nỗ lực của toàn thể nhân dân chung vai góp sức xây dựng quê hương ngày càng đổi mới. Do vậy, xã Đức Hợp vinh dự được Đảng và Nhà nước 2 lần phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng Lao Động năm 1985 và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2005, năm 2015 xã Đức Hợp được Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của huyện Kim Động.

Trong xây dựng và phát triển, Đảng bộ và nhân dân xã Đức Hợp đã nhanh chóng vượt qua mọi khó khăn, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thâm canh tăng vụ, khuyến khích sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và bước đầu thu được

những thành công tạo nên diện mạo mới cho một vùng quê nông nghiệp nông thôn góp phần vào xây dựng công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước.

2. Thuận lợi:

Đức Hợp là xã có bề dày lịch sử về truyền thống đấu tranh cách mạng trong quá trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ, chính quyền xã Đức Hợp luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; Đảng bộ, chính quyền nhiều năm liên tục đạt danh hiệu "Trong sạch vững mạnh", Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động rất tích cực, nổi trội, nhiều năm liền đều được các cấp khen thưởng. Xã cách huyện Kim Động 9 km về phía Tây nhưng lại là một xã trung tâm của 6 xã ven đê - nơi hội tụ đủ về chính trị, kinh tế, các điểm nút giao lưu sầm uất như: Bưu điện; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kim Động, Chợ đủ lớn để cho nhân dân ở các nơi về trao đổi hàng hoá tập nập, có Trường trung học phổ thông Đức Hợp cái nôi đào tạo ra những kỹ sư, bác sĩ. Tất cả điều đó đã tạo nên một Đức Hợp khởi sắc.

Công nghiệp phát triển thu hút nhiều lao động, hệ thống cơ sở hạ tầng đường, trường, trạm, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất, văn hóa khá đồng bộ luôn đáp ứng được yêu cầu sản xuất và phát triển KT-XH.

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn được quan tâm đầu tư, phát triển, sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung. Tỉnh, huyện có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn tạo điều kiện xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế hiệu quả. Việc thực hiện thành công nhiều dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất tạo được nguồn vốn chủ yếu quan trọng để đầu tư xây dựng các công trình và đầu tư cho phát triển nông nghiệp.

Người dân hăng say lao động sản xuất để phát triển kinh tế, tiếp tục hiến đất, công lao động, tiền của để xây dựng các hạng mục công trình xây dựng NTM góp phần tích cực đẩy nhanh tiến độ để phát triển **“xã Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu”**. Đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động **“Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh”**. được nhân dân đồng tình hưởng ứng, mang lại hiệu quả thiết thực và được cấp trên đánh giá cao. Với phương châm: **“Kiên trì, từng bước, tự giác”**, vừa cấp bách, vừa lâu dài, Phong trào đã thực sự tác động tích cực đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ, bộ mặt nông thôn khởi sắc, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong các tầng lớp nhân dân trong xã.

3. Khó khăn:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài và phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển Kinh tế -Xã hội và đời sống của nhân dân.

Việc đầu giá đất cho nhân dân làm nhà ở trên địa bàn xã còn chậm, ảnh hưởng đến nguồn kinh phí thực hiện thi công các công trình trên địa bàn xã.

Kinh tế tuy tăng trưởng cao nhưng chưa bền vững. Quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn nhỏ.

Sản phẩm nông nghiệp chưa có sức cạnh tranh, tiêu thụ chủ yếu phụ thuộc thị trường nội địa.

Giá cả thị trường không ổn định, tình hình dịch bệnh, sự biến đổi khí hậu, thiên tai, hàng năm vẫn xảy ra gây ảnh hưởng, tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế xã hội của xã.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ Tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Hướng dẫn 90/HD-MTTW-BTT ngày 20/9/2022 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam Hướng dẫn việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 26/10/2020;

Nghị Quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án đầu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn vốn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về Sửa đổi một số nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn 29/HD-MTTQ-BTT ngày 26/9/2022 của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hưng Yên Hướng dẫn việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng đô thị văn minh;

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Hưng Yên: Số 14/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 Hướng dẫn Đánh giá nội dung các tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025; Số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 Hướng dẫn Đánh giá nội dung các tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch 213/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch 39/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Công nhận xã Đức Hợp đạt chuẩn NTM năm 2015.

Thực hiện Công văn số 504/UBND – NN ngày 10/5/2024 của UBND huyện Kim Động. Về việc rà soát, đánh giá và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đợt 1 năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Kim Động lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 134/KH – UBND ngày 08/8/2022 Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” huyện Kim Động giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện Kim Động về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Kim Động giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch 32/KH-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện Kim Động về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Kim Động năm 2024;

Căn cứ Chương trình hành động số 20-CTr/HU ngày 10/10/2021 của Huyện ủy Kim Động về thực hiện Nghị Quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 504/UBND – NN ngày 10/5/2024 của UBND huyện Kim Động. Về việc rà soát, đánh giá và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đợt 1 năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Đức Hợp khóa XXV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023 trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã Đức Hợp báo cáo:

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

1.1. Kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên và Ban chỉ đạo huyện Kim Động về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; Kiện toàn ban chỉ đạo xây dựng NTM xã và các Ban phát triển thôn.

Đảng ủy - UBND xã thường xuyên tổ chức các hội nghị triển khai thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới. Hàng tháng, hàng quý và năm, Đảng ủy - UBND xã đã tổ chức các hội nghị chỉ đạo công tác xây dựng nông thôn mới, lồng ghép triển khai công tác, đánh giá về tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

UBND xã tổ chức rà soát các công trình giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội để kịp thời tiến hành xây mới, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo các chỉ tiêu đã đề ra.

1.2. Công tác phối hợp chỉ đạo của địa phương:

Trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao Đảng ủy, Chính quyền địa phương đã huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị tham gia một cách tích cực. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội hoạt động hàng năm đều đạt vững mạnh.

Các đoàn thể chính trị - xã hội đã xây dựng về nội dung chương trình hành động công tác năm, đặc biệt là các phong trào thi đua thực hiện xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền sâu rộng đến từng đoàn viên, hội viên của tổ chức mình và toàn thể nhân dân, từ đó nhân dân tham gia tích cực vào mọi hoạt động phong trào. Cụ thể như xây dựng tổ chức Hội, phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng đời sống văn hóa, đóng góp ngày công xây dựng hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng, các công trình phúc lợi, đường ngõ khu dân cư, tự nguyện hiến đất, tiền cho phong trào xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:

2.1. Công tác truyền thông:

Địa phương đã quán triệt, tuyên truyền trong hệ thống chính trị và triển khai để nhân dân hiểu đầy đủ mục đích, ý nghĩa, quyền và trách nhiệm chủ thể của người dân cùng với Đảng ủy, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định việc tổ chức thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Đài truyền thanh xã thường xuyên phát về các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025; các nội dung tuyên truyền, vận động và những nội dung khác liên quan đến chương trình NTM.

Tuyên truyền về xử lý rác thải, giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, mô hình tiêu biểu để nhân rộng, cách làm hay, sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các xã tiếp tục triển khai phổ biến, tuyên truyền và vận động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng NTM với nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

Qua công tác tuyên truyền, vận động, ý thức của người dân được cải thiện nâng lên rõ rệt, người dân hiểu rõ xây dựng nông thôn mới là quyền lợi, nghĩa vụ của người dân trên địa bàn xã. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới chủ yếu là sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, nâng cao cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và người dân đóng vai trò chủ thể quan trọng trong Chương trình xây dựng NTM, đồng thời là chủ thể thụ hưởng chính của Chương trình.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn:

UBND xã đã cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về xây dựng NTM, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện xây dựng NTM do Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên, huyện Kim Động tổ chức. Qua đó đã nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng đối với đội ngũ cán bộ xã, thôn, các đoàn thể xây dựng nông thôn mới. Đồng thời phối hợp với Chi cục phát triển nông thôn tỉnh, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông huyện thường xuyên mở các lớp tập huấn, chuyên giao tiên bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông dân.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

3.1. Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp:

Những năm qua do làm tốt công tác chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả, xã đã chỉ đạo nhân dân tập trung thâm canh các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Điều chỉnh cân đối cơ cấu cây trồng phù hợp với nông hóa thổ nhưỡng ở địa phương, gieo trồng đúng thời vụ, coi trọng công tác chuyển giao khoa học - kỹ thuật, làm tốt công tác phòng trừ sâu bệnh.

Tiếp tục tham gia các dự án được cấp trên hỗ trợ như Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao. Đồng thời, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ thú y xã đủ điều kiện phục vụ cho công tác phòng và chữa bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Công tác phòng chống dịch bệnh được duy trì thường xuyên, làm tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm theo định kỳ, nên trong những năm qua trên địa bàn không có dịch bệnh nghiêm trọng xảy ra.

3.2. Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn:

Tạo điều kiện thuận lợi thu hút vốn đầu tư vào địa bàn xã đến nay trên địa bàn có 4 doanh nghiệp giải quyết việc làm cho nhiều lao động của địa phương. Tuyên truyền vận động khuyến khích nhân dân đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp, đưa tiên bộ khoa học vào sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm đủ sức cạnh tranh với các hàng hóa có trên thị trường tạo việc làm ổn định cho người sản xuất.

Khuyến khích nhân dân và các thành phần kinh tế mở rộng đầu tư kinh doanh - dịch vụ, phát triển các ngành nghề sẵn có tại địa phương, củng cố và duy trì chợ Đức Hợp luôn là chợ truyền thống của địa phương để thu hút nhân dân ngoài xã đến giao lưu, buôn bán.

3.3. Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân:

Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn được xã thực hiện theo hướng lâu dài, liên tục và đồng bộ. Để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất, UBND xã, các hội đoàn thể của xã đã phối hợp với các cơ quan cấp trên tổ chức nhiều buổi tập huấn và hội thảo trình diễn các mô hình điển hình trong công tác sản xuất. Đồng thời, tích cực thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất cho nông dân mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

Định hướng nông dân sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi thích hợp với điều kiện, thổ nhưỡng; tận dụng triệt để diện tích đất ruộng, vườn, mặt nước để vừa nâng cao thu nhập vừa cải thiện bữa ăn gia đình. Đối với hộ gia đình là cán bộ, đảng viên phải làm gương, đi đầu trong phong trào tăng gia sản xuất, cây lúa là cây trồng chủ lực nên xã tổ chức cho nông dân sản xuất theo mô hình “Cánh đồng mẫu lớn”; phát triển vùng lúa chất lượng cao kết hợp với nuôi trồng thủy sản.

Địa phương chú trọng công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động địa phương là giải pháp quan trọng góp phần hoàn thành giảm nghèo trong toàn xã.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới:

4.1. Tổng kinh phí huy động được từ khi triển khai thực hiện Chương trình đến năm 2023 là: 278 tỷ 354 triệu 063 nghìn đồng, trong đó:

- + Ngân sách tỉnh: 52 tỷ 142 triệu 544 nghìn đồng, chiếm 18,6%
- + Ngân sách huyện: 3 tỷ 843 triệu 251 nghìn đồng, chiếm 1,38 %.
- + Ngân sách xã: 62 tỷ 297 triệu 038 nghìn đồng, chiếm 22,37 %.
- + Vốn doanh nghiệp, người con xa quê ủng hộ: 10 tỷ 303 triệu đồng, chiếm 3,7%.
- + Vốn lồng ghép từ các trương trình dự án khác: 16 tỷ 536 triệu đồng, chiếm 42,5%.
- + Vốn vay Tín dụng (*phục vụ nhân dân vay phát triển kinh tế*): 25 tỷ đồng, chiếm 7,6 %.

* Tổng mức vốn huy động từ 2023 – 6/2024 : 131 tỷ 978 triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: 39 tỷ 500 triệu đồng;
- Ngân sách cấp huyện 4 tỷ 266 triệu đồng;
- Ngân sách cấp xã 88 tỷ 212 triệu đồng.
- + Sự đóng góp của nhân dân: 118 tỷ 535 triệu 230 nghìn đồng.

(Trong đó: nhân dân tự kiến thiết nhà cửa: 90 tỷ đồng, đóng góp xây dựng các công trình hiến đất làm đường giao thông 28 tỷ 535 triệu 230 nghìn đồng).

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Xã Đức Hợp đã được công nhận đạt chuẩn xã NTM năm 2015. Tại Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc công nhận xã Đức Hợp đạt chuẩn NTM năm 2015.

Được công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao tại Quyết định số 241/QĐ – UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên. Công nhận xã Đức Hợp Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Qua 8 năm xây dựng và phát triển, củng cố, xây dựng các tiêu chí phấn đấu đến năm 2024. Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19/19 tiêu chí.

1. Tiêu chí số 01 về quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2 Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3 Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Đức Hợp đã có quy hoạch xây dựng NTM được UBND huyện Kim Động phê duyệt tại quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 08/5/2012, thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch có đầy đủ theo quy định. Đến năm 2018, UBND xã tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh, lập bổ sung quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2016-2020.

Năm 2016, xã được UBND huyện phê duyệt các khu vực chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản tại xã Đức Hợp, huyện Kim Động giai đoạn 2015-2020 tại Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 03/11/2016. Năm 2021 được phê duyệt bổ sung khu vực chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm Quyết định số 374/QĐ - UBND ngày 30/6/2021 của UBND huyện Kim Động. Tổng diện tích được chuyển đổi: 57,01 ha.

Năm 2022, huyện Kim Động được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 (trong đó có nội dung Quy hoạch sử dụng đất của xã Đức Hợp) tại Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Quy hoạch chung xây dựng xã đang triển khai thực hiện, đến nay huyện đã phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chung xây dựng của xã đến năm 2030 tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND huyện Kim Động và đang tiến hành các thủ tục tiếp theo để hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã.

Xã thực hiện công khai và niêm yết quy hoạch rộng rãi tại trụ sở UBND và nhà văn hóa các thôn trong xã với đầy đủ các bản vẽ hiện trạng tổng hợp, bản vẽ định hướng quy hoạch phát triển không gian của xã, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản vẽ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật; thực hiện cấm mốc chỉ giới một số công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt; có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt lồng ghép trong bản thuyết minh quy hoạch nông thôn mới.

Năm 2023 xã được chấp thuận chủ chương làm chủ đầu tư xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Thông báo số 457/TB – STNMT ngày 15/12/2023, với diện tích 12,985,3m² (giai đoạn 1) và được UBND tỉnh chấp thuận vị trí đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Thông báo số 249/TB – UBND ngày 27/8/2020. UBND xã Đức Hợp đã triển khai thực hiện xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất đến nay đã hoàn thành 80% dự kiến trong tháng 7/2024 hoàn thành xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và cho đấu giá khu đất trên. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cho khu đất đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu đất 2,2 ha (giai đoạn 2). Đã được chấp thuận chủ chương đầu tư tại Thông báo số 322/TB – UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh.

02 điểm khu dân cư mới này tại thôn Đức An xã Đức Hợp.

c) Đánh giá tiêu chí: Đạt

2. Tiêu chí số 02 về giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định, đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đạt 100%

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp, đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa, đạt tỷ lệ $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Mặc dù xã còn nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp, các ngành của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực trong tập thể Đảng bộ, chính quyền và huy động mọi nguồn lực của nhân dân, đến nay công trình giao thông trên địa bàn xã đạt được kết quả như sau:

2.1. Đường giao thông liên xã, đường trục từ trung tâm xã đến đường huyện lộ: Được nhựa hóa và bê tông hóa đạt chuẩn được 8,4km/8,4km. Đường xã được bảo trì hàng năm đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, có hệ thống chiếu sáng, cây xanh, gờ giảm tốc và biển báo là 8km/8,4km, đạt tỷ lệ 95,2%. Hàng năm, xã đều bố trí kinh phí để thực hiện sửa chữa mặt đường, phát quang cỏ dại hai bên dọc các tuyến đường xã.

2.2. Đường trục thôn, đường liên thôn:

+ Đường thôn đã được bê tông hóa 10/10 km đạt tỷ lệ 100%.

Hàng năm UBND xã và các thôn tiến hành kiểm tra rà soát các tuyến đường, xây dựng kế hoạch làm mới, bảo trì đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện.

+ UBND xã phối hợp với các Hội, đoàn thể, của xã thường xuyên phát động phong trào dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ xóm, phát động các chi hội và toàn thể nhân dân trồng hoa ven các tuyến đường giao thông tạo cảnh quan môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp.

2.3. Đường ngõ xóm dài: 5,5/5,5 km được bê tông hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp đạt tỷ lệ 100%.

2.4. Đường trục chính nội đồng dài 12km được cứng hóa đạt 100%; số Km được bê tông hóa hoặc trải nhựa được 2,5 km còn lại trải gạch vỡ, đá thải được lu nèn chặt đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%.

Từ khi xã đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, được sự quan tâm đầu tư của các cấp, xã đã thi công tuyến đường tránh lũ ngoài bãi thuộc thôn Đức Phú dài 1,5km, chiều rộng mặt đường 7,5m và 01 tuyến đường trục xã dài 0,33km với tổng kinh phí thực hiện khoảng 30 tỷ 500 triệu đồng. Mặc dù đã được đánh giá đạt tiêu chí NTM nâng cao trong năm 2022. (Tiêu chí giao thông đến nay lại bắt đầu xây dựng lại từ đầu khoảng 60% trừ hệ thống đường thôn, ngõ xóm đã hoàn thiện) cụ thể:

Đến 2023 - 2024 đang tiếp tục đầu tư xây dựng 5400m đường trục xã gồm 4 tuyến: Tổng kinh phí khoảng 63 tỷ 121 triệu đồng.

Đường GTNT, đường nội đồng gồm 14 tuyến trong đó có:

Năm 2023 đã hoàn thành 02 tuyến đường nội đồng tổng chiều dài 750m trị giá 4 tỷ đồng đã đưa vào sử dụng; 08 tuyến đang thi công dở, 04 tuyến đang trong giai đoạn khởi công xây dựng trong năm 2024. (Phần đầu trong năm 2024 hoàn thành nâng cao tiêu chí giao thông).

c) Tự đánh giá: Đạt

3. Tiêu chí số 03: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí

- 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động đạt $\geq 90\%$.
- 3.2. Có tối thiểu 01 tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.
- 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, đạt $\geq 25\%$
- 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm, đạt 100%.
- 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.
- 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

3.1. Trên địa bàn xã có tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là: 518,56 ha; trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 509/518,56 ha, đạt tỷ lệ 98%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 850,08/859,64ha, đạt tỷ lệ 98,89% (bao gồm diện tích 2 vụ lúa Mùa và lúa Xuân).

3.2. Xã có 01 tổ rong dẫn nước lúa hàng năm ký hợp đồng với Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện. Tổ rong dẫn luôn làm tốt công tác vận hành các trạm bơm và hệ thống cống rong dẫn nước đảm bảo tưới tiêu nước kịp thời, nhanh chóng theo chỉ đạo của Xí nghiệp thủy nông và UBND xã.

3.3. Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã chủ yếu là lúa, cây chuối, cây có múi... mang lại hiệu quả kinh tế cao với tổng diện tích khoảng 371,44ha, tỷ lệ cây trồng được tưới tiên tiến tiết kiệm nước khoảng 123,96/371,44ha, đạt tỷ lệ 33,10% (bằng hình thức phun mưa, SRI).

3.4. Hàng năm UBND xã chỉ đạo các thôn tổ chức duy tu, khơi thông 25/25 công trình tiêu thủy lợi đảm bảo thông thoáng dòng chảy tiêu thoát nước phục vụ sản xuất kịp thời, đạt tỷ lệ 100%.

3.5. UBND xã phối hợp với Xí nghiệp thủy nông thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu về chủ động phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (chi tiết theo phụ biểu đính kèm):

- Hàng năm UBND xã đã kiện toàn lại Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; đồng thời, xây dựng kế hoạch và phương án phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật; thành lập, củng cố và duy trì đội xung kích với 100 người sẵn

sàng tham gia công tác PCTT khi có bão úng xảy ra; Chỉ đạo công chức Địa chính Nông nghiệp - xây dựng và môi trường theo dõi lĩnh vực phòng chống thiên tai.

- Xã có kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt; xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai; Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

- Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả. Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch và kiểm tra phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng chống thiên tai, không để phát sinh những vụ vi phạm mới.

- Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã có phương án huy động số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

- Có hệ thống thu nhận và truyền tải các thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai tới toàn thể nhân dân.

- Các điểm nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

Trên địa bàn xã có 05 trạm bơm dã chiến của Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện, nên diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp được chủ động, tưới, tiêu thoát nước kịp thời và nhanh chóng.

+ Kiểm tra phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

Sau khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, xã đã tận dụng các nguồn lực để đầu tư vào duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi để nâng cao chất lượng tiêu chí thủy lợi. Hàng năm, UBND xã đã huy động tổ chức nạo vét, vớt bèo, khơi thông dòng chảy 25/25 tuyến mương trên các sù đồng, giải tỏa cây cối 2 bên các tuyến kênh mương, hệ thống cống tiêu thoát được đầu tư xây dựng mới được thiết kế có giàn van, cánh công đảm bảo tiêu chuẩn đóng mở rất thuận tiện cho việc điều tiết nước. Tổng mức đầu tư khoảng 7 tỷ đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt

4. Tiêu chí số 04 về điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định, đạt tỷ lệ 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã Đức Hợp được Công ty Điện lực huyện Kim Động đầu tư xây dựng hoàn thiện 20km đường dây lưới điện, trong đó có 9km đường dây trung thế và 11km đường dây hạ thế. Hệ thống điện đã bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Toàn xã có 15 trạm biến áp với tổng công suất 4.050 kVA (*TBA Đồng Quan 180 kVA, TBA Đồng Thượng 250kVA, TBA An Lạc -1 320kVA, TBA An Lạc-2 250kVA, TBA bông Thượng-1 560kVA, TBA Bông Thượng-2 400kVA, TBA Tam Đa-1 250kVA, TBA Tam Đa-2 180kVA, TBA Trung Khu 250kVA, TBA thôn Sòi 320kVA, TBA Khu Đông-1 250kVA, TBA Khu Đông-2 250kVA, TBA Thái Hòa-1 160kVA, TBA Thái Hòa-2 250kVA, TBA Phú Mỹ 180kVA*). Các trạm biến áp có đầy đủ hồ sơ dự án và được duyệt theo đúng quy định, đảm bảo khoảng cách an toàn giữa phần mang điện với các bộ phận, công trình xung quanh; có dây nối đất đảm bảo an toàn, có đầy đủ biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, cảnh báo và các biển chỉ dẫn đảm bảo kích thước theo đúng quy định. Công suất của các trạm biến áp đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, liên tục và ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng sử dụng điện. Toàn bộ cột bằng bê tông cốt thép, móng được đổ bê tông cốt thép, hệ thống xà sứ, néo dây điện được bảo vệ chống rỉ, không bị vặn, cong, vênh và được nối vào cọc tiếp địa. Đường dây trung thế được thực hiện chính trang 5S bó gọn. Hệ thống điện đã bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện đáp ứng đầy đủ về phụ tải phù hợp, trạm biến áp, đường dây cấp hạ áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ lưới điện, chất lượng điện áp tốt.

Toàn xã có 2.410 công tơ điện, đạt tỷ lệ 100% công tơ điện được kiểm định định kỳ, được kẹp chỉ niêm phong. Hòm công tơ được làm bằng tôn, composites sơn tĩnh điện treo chắc chắn trên cột, 100% công tơ được đặt trong hòm; 100% bảng điện tổng của các hộ đều có cầu chì/astomat, công tắc, ổ cắm đặt cố định trên tường, trên khung nhà đảm bảo chắc chắn, an toàn.

- Xã có 2.410/2.410 hộ được sử dụng điện an toàn và thường xuyên, đạt tỷ lệ 100%. Ý thức nhân dân trong việc sử dụng điện rất cao, không có hiện tượng “câu, móc” lên đường điện hay sử dụng điện với mục đích không an toàn.

- Không có điểm vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

Từ khi đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, được sự quan tâm của ngành điện hệ thống điện trên địa bàn xã được đầu tư xây mới 06 trạm biến áp (03 TBA công suất 250kVA, 02 TBA công suất 320kVA, 01 TBA công suất 400kVA); lắp đặt thay thế mới 2,23km đường dây trung thế, 4,34km đường dây hạ thế với tổng kinh phí 9 tỷ 114,4 triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt

5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã và được đánh giá, xếp loại, mức độ khá

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Những năm gần đây công tác giáo dục – đào tạo của xã Đức Hợp luôn được sự quan tâm của các cấp chính quyền, nhân dân cùng các tổ chức xã hội đầu tư, hỗ trợ xây dựng, mở rộng cơ sở vật chất để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, tạo điều kiện để các cấp học trên địa bàn xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia.

Sau khi đón chuẩn nông thôn mới trong 08 năm (2015- 2023) cùng với sự nỗ lực của địa phương cùng các nhà trường đã xây dựng thêm một số hạng mục của các nhà trường, bổ sung thêm một số lớp học, trang thiết bị học tập đầy đủ và nâng cao hơn về chất lượng.

5.1. Hiện tại trên địa bàn xã đã có 3/3 trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) đều đạt cơ sở vật chất mức độ 1 và mức độ 2 đạt tỷ lệ 100%; Trong đó:

Trường Mầm non và trường Tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn mức độ 2 (Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 3103/QĐ-CTUBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh; Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 3024/ QĐ-CTUBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh).

Trường THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn mức độ 1 (Trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 2720/QĐ-CTUBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên).

5.2. Trường Mầm non được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi và mức độ này được duy trì từ năm 2013 đến nay (năm 2022). Hàng năm, nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ theo yêu cầu của chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành.

5.3. Trường Tiểu học đạt chuẩn PCGD tiểu học Mức độ 3 từ năm 2013. Trường THCS đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3. Từ nhiều năm nay, cả hai nhà trường đều tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng nhà trường về mọi mặt và luôn là điểm sáng trong phong trào giáo dục huyện nhà

5.4. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã luôn được làm tốt được đánh giá, xếp loại Tốt (tại Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Kim Động về việc công nhận kết quả đánh giá “Cộng đồng học tập” các xã, thị trấn năm 2022).

5.6. Các trường hiện đang sử dụng khuôn viên của trường và sân vận động của xã để cho học sinh rèn luyện thể chất, sức bền.

Năm học 2022-2023, có 02 học sinh được Huy chương Bạc và 02 học sinh được Huy chương Đồng môn Điền kinh; có 01 học sinh đạt giải Nhất cuộc thi vẽ tranh cấp tỉnh.

Năm học 2023-2024,

+ Đối với trường Tiểu học: đội bóng đá đạt giải Nhất cấp huyện cuộc thi bóng đá mini; Đội thi về ATGT đạt giải Nhất cấp huyện, Nhất cấp tỉnh và được tham gia thi cấp Quốc gia; có 01 học sinh được Huy chương Vàng, 01 học sinh được Huy chương Đồng môn Điền kinh cấp huyện; có 01 học sinh được Huy chương Đồng môn Điền kinh cấp tỉnh.

+ Đối với trường THCS: có 02 học sinh được Huy chương Đồng môn Cầu lông cấp huyện; 01 học sinh được Huy chương Vàng môn Điền kinh cấp huyện.

Sau khi xã được công nhận đạt chuẩn đến nay, xã đã đầu tư xây dựng nhà lớp học, sửa chữa hạng mục của 03 trường: Xây dựng mới 8 phòng học nhà 2 tầng và các công trình phụ trợ trường Tiểu học; Xây dựng mới trường Mầm non 8 phòng nhà 2 tầng khu Bông Thượng; Xây dựng mới nhà ăn và các công trình phụ trợ trường Mầm non khu Tam Đa; Sửa chữa, xây mới nhà hiệu bộ và 10 phòng học nhà 2 tầng trường THCS Đức Hợp; Mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập cho các nhà trường các trường với tổng số tiền là 28 tỷ 952 triệu đồng. Dự kiến trong năm 2024 triển khai xây dựng khu nhà chức năng 03 tầng 09 phòng cho trường THCS và tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục khác như sân tập đa năng, phòng tập đa năng cho 03 nhà trường phục vụ cho công tác giảng dạy đáp ứng đủ tiêu chí.

c) Tự đánh giá: Đạt.

6. Tiêu chí số 06 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi đáp ứng đủ 3 yêu cầu:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định đạt $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện chỉ:

6.1. 06/06 thôn trên địa bàn xã đều có sân thể dục, thể thao được phân riêng theo từng khu vực từng bộ môn. Sân vận động của xã có đặt các dụng cụ tập thể dục thể thao ngoài trời.

- Hằng năm xã thường xuyên tổ chức các cuộc tuyên truyền nhiệm vụ chính trị; liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng và tổ chức được các giải thi đấu, giao hữu thể dục thể thao thu hút đông đảo người dân tham gia. Năm 2023, xã đã tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao, tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ giao lưu thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông thu hút đông đảo người dân với mọi lứa tuổi tham gia.

- Trên địa bàn xã có 19 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, TD thể thao: 01 Câu lạc bộ Nhảy Dân vũ, 06 Câu lạc bộ văn nghệ, 01 Câu lạc bộ Văn hóa xã, 02 Câu lạc bộ cầu lông, 06 Câu lạc bộ Bóng chuyền hơi, 01 Câu lạc bộ Bóng chuyền da, 02 câu lạc bộ bóng đá) các câu bộ hoạt động thường xuyên. Hằng năm các câu lạc bộ của xã thường xuyên tổ chức giao lưu văn nghệ giữa các thôn, các xã bạn, Trong năm 2022 các câu lạc bộ tham dự các giải thi đấu trên địa bàn huyện tổ chức, do đó hút được đông đảo người tham dự.

Xã có 3500/8810 dân số tham gia các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 39,72%.

6.2. Xã có một di tích lịch sử Quốc gia Đình Đồng Hạ được tu bổ, tôn tạo theo quy định. Duy trì hoạt động lễ hội hằng năm theo đúng phong tục tập quán của địa phương và qui định của Pháp luật. Hằng năm, xã xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa đồng thời bố trí một phần kinh phí trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa. Đến nay, trên địa bàn xã không để xảy ra các hoạt động khiêu nại, khiêu kiện về di tích, danh thắng; không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích.

6.3. Xã có 06/06 thôn được công nhận danh hiệu làng văn hóa đạt tỷ lệ 100%

Năm 2020 – 2021 xã đã đầu tư xây dựng mới 01 nhà văn hóa (Trung tâm giáo dục đào tạo đa năng) thôn Đức Phú diện tích 1500m². Tổng kinh phí 4.3 tỷ đồng. Năm 2023 tiếp tục đầu tư xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Đức Trung Tổng kinh phí 6,5 tỷ đồng. (đang xây dựng dở phần đầu hoàn thành trong tháng 10/2024).

c) Tự đánh giá: Đạt

7. Tiêu chí số 07 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*** Đối với xã có chợ nông thôn:**

Xã được công nhận đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Phụ lục số 03 Hướng dẫn 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 và đồng thời có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

- Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Phụ lục số 03 Hướng dẫn 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN11856:2017.

*** Đối với xã không có hoặc chưa có chợ nông thôn:**

Trường hợp xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì sẽ xem xét coi như là đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có chợ Đức Hợp (chợ truyền thống):

- Về mặt bằng, diện tích chợ: Chợ Đức Hợp có tổng diện tích là 1.684m², bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ thiết yếu tại chợ; Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m²; chợ không bị ảnh hưởng từ các khu vực ô nhiễm.

- Kết cấu nhà chợ chính được xây dựng kiên cố theo quy định, nền chợ được bê tông hóa; trần nhà, mái che, tường, cột làm bằng vật liệu bền, không bị dột, thấm nước; đảm bảo bậc chịu lửa theo quy định. Chợ được chiếu sáng đầy đủ bằng ánh sáng tự nhiên và nhân tạo.

- Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:

+ Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ.

+ Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng phù hợp với quy mô của chợ, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ. Có bố trí chỗ rửa tay; có đủ dụng cụ, xà phòng, chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay.

+ Có địa điểm trông giữ xe (ngoài trời hoặc có mái che) đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự.

+ Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm. Các khu kinh doanh tại chợ được phân thành các khu riêng biệt, đảm bảo khoảng cách giữa các khu theo quy định: Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà...); Khu vực kinh doanh thủy, hải sản; Khu vực kinh doanh rau, củ, quả; Khu vực kinh doanh dịch vụ ăn uống; Khu vực kinh doanh thực phẩm chín; Khu vực kinh doanh thực phẩm khác; Khu vực kinh doanh phi thực phẩm (quần áo, khu vực kinh doanh hàng gia dụng...) được bố trí tách biệt với các khu vực kinh doanh thực phẩm khác.

+ Niêm yết sơ đồ chỉ dẫn phân khu của chợ tại cửa ra vào chính của chợ.

+ Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ.

+ Có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định đảm bảo cho hoạt động của chợ.

+ Có khu thu gom, lưu chứa rác và xe chuyên dụng của huyện vận chuyển rác trong tuần đi xử lý. Trong chợ có trang bị thùng chứa rác thải có nắp đậy kín tại các nơi công cộng trong chợ. Định kỳ hàng tháng tổ chức khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm tại chợ.

+ Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm tiêu thoát, dễ dàng thông tắc đảm bảo không bị ngập nước, đọng nước, dễ vệ sinh; có đầy đủ hố ga, lưới chắn rác, nắp đậy ngăn mùi và thường xuyên làm vệ sinh, thông tắc.

+ Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy (PCCC) cho chợ theo quy định.

- **Về điều hành quản lý chợ:**

+ Có tổ chức quản lý chợ; việc tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý thực hiện theo quy định.

+ Có Nội quy chợ được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ.

+ Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.

+ Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Từ khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, xã đã đầu tư xây dựng các dãy bán hàng và các hạng mục phụ trợ, nâng cấp sửa chữa lại công chợ có tên

địa danh và số điện thoại của Ban quản lý chợ để thuận tiện việc trao đổi thông tin. Với tổng kinh phí khoảng 650 triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt

8. Tiêu chí số 08 về thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt $\geq 80\%$

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông, có hạ tầng kỹ thuật viễn thông tốt, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển thuê bao sử dụng dịch vụ truy cập internet của 06 thôn; xã có 04 điểm truy cập internet miễn phí tại các địa điểm: Các trường học và trụ sở UBND xã.

8.2. Xã có 4.192/5240 người trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 80%

8.3. 06/06 thôn của xã có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên, 100% các hộ gia đình sử dụng phương thức kết nối xem truyền hình qua mạng Internet. Trên địa bàn xã có các hiệu sách, cửa hàng, siêu thị mini cung cấp xuất bản phẩm.

8.4. Xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế xã hội.

+ Xã đã trang bị 100% máy vi tính đồng bộ cho cán bộ, công chức. Toàn bộ máy tính của Đảng uỷ, HĐND, UBND đều được kết nối mạng Internet. Để nhận và gửi các văn bản chỉ đạo điều hành qua mạng Internet, sử dụng phần mềm một cửa, một cửa liên thông phục vụ công việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã; phần mềm kế toán Misabomboo.net 2020,... 5 tháng đầu năm 2024, xã tiếp nhận và giải quyết được 1.124 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình, đạt tỷ lệ 100%.

+ 100% Cán bộ, Công chức xã được bồi dưỡng tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin.

+ Xã có 4750/5240 người trong độ tuổi lao động, được tìm hiểu phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính, kỹ năng số cơ bản(Các dịch vụ Internet, các trường học, công ty, cơ quan nhà nước.) đạt tỷ lệ 90,6%

8.5. Các điểm công cộng như: UBND xã; Nhà văn hóa; trạm y tế; Ngân hàng; các trường học; các cửa hàng dịch vụ trên địa bàn xã đều có mạng Wifi để phục vụ người dân. Năm 2022 xã đã xây dựng được trang thông tin điện tử của địa phương hiện nay đang hoạt động rất tốt và có hiệu quả.

c) Tự đánh giá: Đạt

9. Tiêu chí số 09 về nhà ở:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên toàn xã là 2407/2410 hộ gia đình, đạt tỷ lệ 99,87%. Trên địa bàn xã không có nhà tạm, nhà dột nát, tỷ lệ nhà cao tầng kiên cố chiếm đa số.

(Từ khi Đức Hợp được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, NTM nâng cao nhân dân kiến thiết nhà ở được 65 ngôi nhà với tổng số tiền 60 tỷ 600 triệu đồng.)

c) Tự đánh giá: Đạt

10. Tiêu chí số 10 về thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Mức thu nhập đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025:

- Năm 2024: Thu nhập bình quân ≥ 72 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã chỉ đạo các Hội, Đoàn thể của xã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn chỉ đạo hội viên, đặc biệt là các hộ nông dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, trong đó chú trọng nhân rộng mô hình chăn nuôi theo quy mô trang trại và mở rộng các diện tích trồng cây có múi; đưa cơ giới hóa vào sản xuất; xây dựng các mô hình cho hiệu quả kinh tế cao; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người dân...; phát triển đa dạng các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Từ

đó thu nhập của người dân cải thiện rõ rệt. Dự kiến thu nhập bình quân đầu người toàn xã năm 2024 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

c) Tự đánh giá: Đạt

11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí Nghèo đa chiều là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo kết quả rà soát định kỳ hàng năm dưới 1%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã năm 2023 là 15 hộ, số hộ nghèo không có khả năng lao động là 09 hộ; Tổng số hộ cận nghèo là 11 hộ, số hộ cận nghèo không có khả năng lao động là 01 hộ. Do đó, tỷ lệ nghèo đa chiều theo kết quả rà soát năm 2023 của xã là 0,67%.

Từ khi xã đạt chuẩn NTM năm 2015, công tác giảm nghèo được các cấp quan tâm, chú trọng hỗ trợ sinh kế, giúp các hộ phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cây trồng, vật nuôi tạo điều kiện cho phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, thoát nghèo một cách bền vững nên tỷ lệ hộ nghèo giảm theo từng năm.

c) Tự đánh giá: Đạt

12. Tiêu chí số 12 về lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 85\%$

12.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 35\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng dân số của xã là 8.810 người, số lao động trong độ tuổi là 5.240 người.

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn xã: 4.522/5.240 người; đạt tỷ lệ 86,29%.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ là 1.970/5.240 người; đạt tỷ lệ 37,59%.

c) Tự đánh giá: Đạt

13. Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1. Xã có ≥ 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Xã có ≥ 01 sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

13.3. Xã có ≥ 01 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã ≥ 01 sản phẩm.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt tỷ lệ $\geq 15\%$.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

13.8. Có ≥ 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Trên địa bàn xã có 02 HTX: HTX dịch vụ Nông nghiệp làm đất và thu hoạch nông sản cho nhân dân, HTX dịch vụ nông nghiệp và thương mại Đức Chiêm đều hoạt động có hiệu quả và theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012; các HTX có tối thiểu 10 thành viên trở lên; hàng năm, các HTX được đánh giá, xếp loại khá trở lên (theo Báo cáo 21/BC-NN ngày 02/4/2024 của UBND huyện Kim Động về việc Báo cáo kết quả xếp loại HTX nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện Kim Động); Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 04 tổ hợp tác xã (Tổ hợp tác xã cây Chuối; Tổ hợp tác Cây có múi; Tổ hợp tác Nhãn; Tổ hợp tác Hoa cây cảnh). Các HTX, tổ hợp tác có địa điểm cung cấp hàng hóa thiết yếu như: chuối, nhãn, cam, bưởi... và thực hiện liên kết bao tiêu trên 40% tổng sản lượng các sản phẩm cho các thành viên HTX và tổ hợp tác sản xuất, tổ hợp tác và các hộ nông dân tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển sản xuất, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

13.2. Xã có 01 sản phẩm: Chuối tây (chuối quả tươi thương phẩm) của Tổ hợp tác trồng chuối xã Đức Hợp đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh đánh giá. Đã được xếp hạng đạt chuẩn OCOP 3 sao năm 2022.

13.3. Trên địa bàn xã có 04 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao gồm 02 mô hình chăn nuôi lợn, 02 mô hình chăn nuôi gà áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi và sản xuất con giống, thân thiện với môi trường.

13.4. Xã có Tổ hợp tác trồng cây có múi đã ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc sản phẩm cam, bưởi tươi của tổ hợp tác.

13.5. Các tổ hợp tác liên kết với nhau cùng các hộ nông dân trao đổi về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ lực, được đảm bảo bền vững như sản phẩm chuối được bán trên các trang mạng xã hội khoảng 200/1000 tấn/ năm đạt tỷ lệ = 20%

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực là sản phẩm chuối Tây và chuối Tiêu hồng đã được chứng nhận VietGap khoảng 70ha. Ngoài ra, diện tích Cam, Bưởi trên địa bàn xã đã được chứng nhận VietGap khoảng 45ha.

13.7. Xã đã xây dựng Trang thông tin điện tử của xã từng bước hoàn thiện việc cập nhật tình hình, triển khai quảng bá các hình ảnh, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của xã.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (Mô hình Tổ hợp tác Hoa cây cảnh với 8 thành viên vừa sản xuất, kinh doanh vừa kết hợp tham quan, trải nghiệm đem lại thu nhập bình quân khoảng 15 triệu đồng/người/tháng cho mỗi thành viên).

Ngoài ra, từ năm 2015 đến nay, nông dân trên địa bàn xã nhận được sự hỗ trợ của các cấp về thóc giống, thuốc diệt chuột, phân bón, thuốc khử trùng tiêu độc chuồng trại chăn nuôi với tổng kinh phí trên 970 triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt

14. Tiêu chí số 14 về y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 95\%$.

14.2 Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử.

14.3 Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

14.4 Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). Trong những năm gần đây, do sự ảnh hưởng của dịch bệnh diễn biến phức tạp, ý thức bảo vệ sức khỏe của người dân cũng ngày được nâng cao. Người dân tham gia bảo hiểm y tế trên toàn xã là 8470/8810 người đạt tỷ lệ 96,14%. (Đạt)

14.2. Trạm Y tế xã đã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe là 8020/8810 người đạt tỷ lệ 91,03%.

14.3 Trạm y tế xã có kế hoạch triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa theo lộ trình. Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19, thời gian vừa qua để đảm bảo cách ly y tế, nhân dân đã sử dụng nhiều ứng dụng khám chữa bệnh từ xa như gọi điện thoại, sử dụng mạng internet.... để nhờ các bác sỹ tư vấn sức khỏe. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa là 3853/8810 đạt tỷ lệ 43,73% (Đạt)

14.4. Thực hiện Đề án 06 ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, nhân dân trên địa bàn xã có sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn tải và sử dụng App VNeID trong đó có tích hợp sổ khám chữa bệnh điện tử. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử là 8050/8810 người đạt tỷ lệ 91,37%.

c) Tự đánh giá: Đạt

15. Tiêu chí số 15: Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:

15.2 Có dịch vụ công trực tuyến một phần

15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1. Xã đã sử dụng hệ thống Công dịch vụ công và Một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo 100% các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng quy trình.

15.2 Xã thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình đối với các thủ tục hành chính cấp xã. 5 tháng đầu năm 2024, xã tiếp nhận và giải quyết được 1124/1124 hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình đạt tỷ lệ 100%.

15.3 UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai 117/117 thủ tục hành chính của 16 lĩnh vực thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh kiến nghị theo đúng quy định.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

- Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Trong 03 năm liên tục (năm 2022, 2023, 5 tháng đầu năm 2024) số lượng thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết cụ thể như sau:

+ Năm 2022: đã tiếp nhận 4.170 hồ sơ thủ tục hành chính, đã giải quyết đúng và trước hạn 4.170 hồ sơ thủ tục hành chính đạt 100% số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết trong năm (Trong đó, có 4.170 hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình); Không có phản ánh, kiến nghị của cá nhân và tổ chức trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

+ Năm 2023, đã tiếp nhận 2.192 hồ sơ thủ tục hành chính, đã giải quyết đúng và trước hạn 2.192 hồ sơ thủ tục hành chính đạt tỷ lệ 100% số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trong năm (Trong đó, có 2.192 hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình); Không có phản ánh, kiến nghị trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

+ 5 tháng đầu năm 2024, đã tiếp nhận 1.124 hồ sơ thủ tục hành chính, đã giải quyết đúng và trước hạn 1.124 hồ sơ thủ tục hành chính đạt tỷ lệ 100% số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trong năm (Trong đó, có 1.124 hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình); Không có phản ánh, kiến nghị trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công năm 2023 được xếp loại tốt.

Người dân, doanh nghiệp đến giải quyết thủ tục hành chính đều hài lòng, không có phản ánh, kiến nghị trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

c) Tự đánh giá: Đạt

16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1 Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

16.2 Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành, đạt $\geq 90\%$

16.3 Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu, đạt $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1. Xã đã xây dựng được mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận là mô hình câu lạc bộ “Thanh niên với Pháp Luật xã Đức Hợp” và mô hình “Tổ hòa giải thôn Đức Phú”. Câu lạc bộ “Thanh

niên với Pháp Luật xã Đức Hợp” được thành lập với mục đích đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về pháp luật, tạo ra môi trường sinh hoạt lành mạnh, bổ ích và thiết thực cho thanh niên nói riêng và toàn thể nhân dân trên địa bàn xã. Trong thời gian qua, Câu lạc bộ đã tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên và nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị liên quan đến các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hằng năm, UBND xã đã bố trí ngân sách cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là 15.000.000 đồng. Bên cạnh đó, UBND xã đã được trang bị nhiều đầu sách pháp luật, tài liệu, băng rôn, khẩu hiệu phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền lồng ghép tại các hội nghị giao ban.

- Xã Đức Hợp có 06 tổ hòa giải hoạt động tích cực, hiệu quả. 100% các tổ hòa giải đều được hỗ trợ kinh phí hoạt động và thù lao cho hòa giải viên, khi tổ chức hòa giải thành công các vụ việc, theo đúng quy định pháp luật hoà giải ở cơ sở. Hằng năm, xã hỗ trợ kinh phí 1.200.000 đồng cho các tổ hòa giải hoạt động và hỗ trợ 150.000 đồng cho các hòa giải viên khi hòa giải thành một vụ việc. Hoạt động của các tổ hoà giải trên địa bàn xã luôn có sự phối hợp với Công an xã, các ban ngành đoàn thể của xã và những người có uy tín tại thôn hiểu biết pháp luật tiến hành hòa giải các vụ việc xảy ra.

- UBND xã đã đề nghị và được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình điển hình về hoà giải ở cơ sở và mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022 (tại Quyết định số 2670/QĐ-CTUBND ngày 07/12/2022 về việc khen thưởng hòa giải cơ sở và mô hình phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022).

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải, được các tổ hòa giải trên địa bàn xã hòa giải thành năm 2023 là 7/7 vụ việc, đạt tỷ lệ 100%; 6 tháng đầu năm 2024 là 7/7 vụ việc, đạt tỷ lệ 100%.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý năm 2023 khi có yêu cầu là: 60/60 người; đạt tỷ lệ 100%. Đến tháng 6 năm 2024 có 84/84 người đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2023, xã Đức Hợp được Chủ tịch UBND huyện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 về công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023. Tính đến tháng 6/2024, đối chiếu các tiêu chí, chỉ tiêu chấm điểm cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số Thông tư 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Quyết định số

25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật xã Đức Hợp tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c. Tự đánh giá: đạt.

17. Tiêu chí số 17: Môi trường

a. Yêu cầu của tiêu chí.

17.1 Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%

17.3 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt $\geq 98\%$

17.4 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt $\geq 50\%$

17.5 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt $\geq 50\%$

17.6 Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

17.7 Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường., đạt $\geq 80\%$

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt $\geq 95\%$

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10 Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 10\%$

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/người$

17.12 Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tiêu chí 17.1: Trên địa bàn xã không có khu giết mổ tập trung. Các hộ chăn nuôi đều có hầm Biogas để xử lý chất thải, nước thải chăn nuôi nuôi bảo vệ môi trường.

Tiêu chí 17.2

Xã có 50/50 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 100%

Tiêu chí 17.3:

Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn đều được các tổ VSMT thu gom và vận chuyển tập trung về một điểm để xe chuyên dụng của huyện vận chuyển đi xử lý, không còn tình trạng vứt rác thải bừa bãi, đạt tỷ lệ 99%.

+ 6/6 thôn xã thành lập được tổ vệ sinh môi trường với 26 người tham gia định kỳ 02 lần/tuần tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải đến điểm tập kết xe gom rác của địa phương để xe cuốn ép của huyện vận chuyển lên Công ty URENCO 11 để xử lý

+ Chất thải rắn không nguy hại trong hoạt động xây dựng, kiến thiết.. được tận dụng san nền làm móng công trình.

Tiêu chí 17.4:

Xã có 1987/2410 hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, như sử dụng hồ gas trước khi đưa nước thải ra rãnh thoát nước tập trung, đạt tỷ lệ 82,45%

Tiêu chí 17.5:

Xã có 2150/2410 hộ tham gia phân loại rác tại nguồn (trong đó: có 600 hộ sử dụng thùng; 150 hộ sử dụng nắp đậy; 1.300 hộ thực hiện đào hố, chôn lấp), đạt tỷ lệ 89,21%

Tiêu chí 17.6

Trên địa bàn có 07 công ty đều có cam kết bảo vệ môi trường, và ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị thu gom để vận chuyển rác nguy hại đến nơi xử lý đạt tỷ lệ 100%.

Tiêu chí 17.7

Có khoảng 2170 hộ/2410 hộ sản xuất nông nghiệp có sử dụng các sản phẩm thừa (hoa, quả, rau...) ngâm ủ để thành nguyên liệu để bón cho cây trồng, đạt tỷ lệ 90%.

Tiêu chí 17.8: Có 50/50 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt mức quy định của vùng sử dụng hầm Biogas, chất độn chuồng sử dụng chế phẩm sinh học đạt tỷ lệ 100%

Tiêu chí 17.9

- Xã có 04 nghĩa trang nhân dân đang sử dụng, có ban quản lý nghĩa trang, công tác quản lý, khai thác và sử dụng được duy trì tốt, tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Trong nghĩa trang được phân ra làm 2 khu vực riêng biệt là khu an táng và khu cải táng. Việc xây cất mồ mả đang được thực hiện theo quy định và đúng quy hoạch và phù hợp với quy ước, hương ước của thôn.

Tiêu chí 17.10

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng : 12/45 trường hợp, đạt tỷ lệ 26,6%

Tiêu chí 17.11

- Tại các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng nơi quy định gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Khuôn viên UBND xã, trạm y tế, các trường học và nhà văn hóa các thôn thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, chỉnh trang, có khu vực trồng cây xanh, trồng hoa phù hợp cảnh quan, có nước sinh hoạt và nhà vệ sinh an toàn.

- Trên các trục đường xã, đường ven các thôn, nhân dân đều tổ chức trồng cây xanh để tạo cảnh quan môi trường. Với tổng diện tích trồng cây xanh khoảng 3,63 ha. Bình quân diện tích đất trồng cây xanh/ người khoảng 36.300/8.810 đạt 4,12m²/người. Kể từ khi đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, UBND xã đã bố trí đưa cây Bằng Đài Loan, Hoa Tường vi để trồng một số tuyến đường trục xã, trục thôn để tạo cảnh quan môi trường.

17.12. Hội Phụ nữ xã đã thành lập câu lạc bộ “Hạn chế sử dụng rác thải nhựa một lần” với mục đích tuyên truyền vận động toàn thể nhân dân trên địa bàn xã tham gia phân loại, thu gom chất thải nhựa và tái chế các sản phẩm từ nhựa. Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt tỷ lệ 92%.

Hàng năm, xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Hạt Giao thông và Môi trường huyện thường xuyên thu gom, vận chuyển rác thải đến khu xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Từ khi đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, xã được huyện hỗ trợ 16 xe gom, 02 xe bò, 30 bộ đồ bảo hộ lao động với tổng kinh phí khoảng 105 triệu đồng hỗ trợ các đội thu gom rác trên địa bàn xã. Ngoài ra, các thành viên tham gia vận chuyển rác hàng năm còn được hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế.

c) Tự đánh giá: Đạt

18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$

18.2 Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít

18.3 Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 65\%$

18.4 Tỷ lệ chủ thẻ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%

18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

18.6 Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Đạt 100%

18.7 Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%

18.8 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Xã có 2289/2410 hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của Công ty nước sạch Phú Hưng, đạt tỷ lệ 94,98%.

Tiêu chí 18.2

Theo số liệu của nhà máy nước sạch Phú Hưng, bình quân đầu người được cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn/ngày đêm khoảng 90 – 100 lit

Tiêu chí 18.3

Trên địa bàn xã đang sử dụng nước sạch từ nhà máy nước sạch Phú Hưng, hàng tháng nhà máy đều gửi báo cáo kết quả nội kiểm chất lượng nước về UBND xã, đảm bảo đủ nước cung ứng cho nhân dân trong quá trình sử dụng. Nhà máy nước sạch Phú Hưng đã hoàn thiện đường ống cấp nước truyền tải và dịch vụ, cấp nước cho toàn bộ địa phận của xã nên tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100%

Tiêu chí 18.4

Trên địa bàn xã 100% hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm đều được UBND xã luân phiên mời đi tập kiến thức về an toàn thực phẩm theo các đợt tổ chức của UBND huyện.

Tiêu chí 18.5

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm. Trong thời gian vừa qua, trên địa bàn xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm

Tiêu chí 18.6

UBND xã đã yêu cầu các hộ sơ chế, chế biến thực phẩm ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với trường hợp phải cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm; có 10/10 hộ sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

Tiêu chí 18.7

- Các hộ gia đình trên địa bàn xã đều có công trình vệ sinh tự hoại 3 ngăn đầy đủ hợp vệ sinh; nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 100%.

Tiêu chí 18.8

Xã không có bãi rác tập trung, bãi chôn lấp. Xã tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt công tác phân loại, xử lý rác thải ngay tại hộ gia đình giảm lượng rác thải ra ngoài môi trường. Năm 2023 đã được UBND huyện, Phòng Tài Nguyên và Môi trường tiếp tục hỗ trợ xe chuyên dụng về thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn xã đi xử lý mỗi tuần 01 lần. Hiện nay rác thải trên địa bàn xã được xe chuyên dụng của huyện về thu gom vận chuyển đi xử lý 100%.

c. Tự đánh giá: Đạt

19. Tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1 Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2 Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hàng năm Đảng ủy, HĐND, UBND xã căn cứ vào Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự xã xây dựng kế hoạch, xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban chỉ huy quân sự xã: có đủ 4 chức danh: Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên và Chính trị viên phó; hàng năm đạt đơn vị vững mạnh toàn diện. Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động có nề nếp, nội bộ đoàn kết, thống nhất cao.

- Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 (Năm 2022 bồi dưỡng 07 đồng chí, năm 2023 bồi dưỡng 06 đồng chí, năm 2024 bồi dưỡng 07 đồng chí); giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân hàng năm theo quy định của pháp luật; chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, bảo đảm quân số, kết quả huấn luyện khá và an toàn tuyệt đối về mọi mặt (Năm 2022 có 118 đồng chí, năm 2023 có 100 đồng chí, năm 2024 có 100 đồng chí tham gia huấn luyện).

- Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên: thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền với 154 dự bị động viên được xây dựng. Số lượng dự bị động viên được huy động cụ thể như sau:

- + Năm 2022 huy động 30 dự bị động viên.
- + Năm 2023 huy động 18 dự bị động viên.
- + Năm 2024 huy động 09 dự bị động viên.

100% cán bộ, chiến sỹ (Ban CHQS xã, dân quân, dự bị động viên) có bản lĩnh chính trị vững vàng, kỷ luật nghiêm, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Hằng năm được giáo dục chính trị pháp luật (năm 2022 có 50 đồng chí, năm 2023 có 48 đồng chí, năm 2024 có 45 đồng chí), tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định (năm 2022 có 30 đồng chí, năm 2023 có 18 đồng chí, năm 2024 có 09 đồng chí). Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích PCTT ở xã; tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp trên, đảm bảo an toàn.

- Thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh: Hàng năm hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân theo quy định; thực hiện tốt công tác tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng. Cụ thể,

Đối với công tác tuyển quân:

- + Năm 2022, số quân tuyển là 14/14 số chỉ tiêu giao, đạt chỉ tiêu giao.
- + Năm 2023, số quân tuyển là 14/14 số chỉ tiêu giao, đạt chỉ tiêu giao.
- + Năm 2024, số quân tuyển là 16/16 số chỉ tiêu giao, đạt chỉ tiêu giao.

Đối với công tác tuyển sinh:

- + Năm 2022, số học sinh đăng ký thi vào các trường Quân đội là 02 em, đỗ 02 em.
- + Năm 2023, số học sinh đăng ký thi vào các trường Quân đội là 02 em, đỗ 02 em.
- + Năm 2024, số học sinh đăng ký thi vào các trường Quân đội là 01 em, chưa có kết quả.

- Thực hiện chế độ, chính sách và giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu

phương quân đội theo quy định của pháp luật; không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

- Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng có hiệu quả: có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương; có sự phối hợp, thống nhất giữa các tổ chức chính trị - xã hội với Ban chỉ huy quân sự xã trong thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương.

+ Năm 2022, giải quyết chế độ chính sách theo Quyết định 49, 62 cho 01 người.

+ Năm 2023, giải quyết chế độ chính sách theo Quyết định 49, 62 cho 01 người.

+ Năm 2024, giải quyết chế độ chính sách theo Quyết định 49, 62 cho 02 người.

Ngoài ra, hàng năm xã phối hợp với các phòng, ngành của tỉnh, huyện và các nhà hảo tâm thực hiện trao gần 600 suất quà cho các đối tượng thương binh, bệnh binh, người có công trên địa bàn xã vào mỗi dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ 27/7.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên. Chi bộ Quân sự hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Năm 2022, Chi bộ Quân sự được Bí thư Huyện ủy tặng Giấy khen do có thành tích trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 Khóa XI. Ban chỉ huy quân sự xã hàng năm được cấp trên khen thưởng (năm 2020, 2021, 2022 được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen nhân dân, cán bộ và lực lượng vũ trang xã Đức Hợp đã có thành tích trong công tác Quân sự Quốc phòng địa phương).

Tiêu chí 19.2

- Hàng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không để xảy ra trọng án, những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, “Các tội xâm phạm về chức vụ” mà người phạm tội là cán bộ, lãnh đạo địa phương; Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, mại dâm,...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giám so với năm trước.

- Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo quy định, khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực của pháp luật gây mất an ninh trật tự, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc tập trung

đồng người, khiếu nại tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội được kéo giảm; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước.

- Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, xã trọng điểm phức tạp về trật tự, an toàn xã hội.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên; không để xảy ra cháy gây thiệt hại nghiêm trọng trở lên.

- Thành lập 06 tổ dân phòng phòng cháy chữa cháy với tổng số 60 thành viên; 01 Ban chỉ đạo vận động toàn dân giao nộp vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gồm 10 thành viên; mô hình đảm bảo an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông được triển khai tại các công trường học. Xã thành lập mô hình camera an ninh với 35 mắt camera được lắp đặt tại 6/6 thôn tại các điểm trọng yếu, quan trọng, những ngã ba, ngã tư đầu đường trực chính đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn các thôn, kịp thời phát hiện các trường hợp vi phạm giao thông, trộm cắp, vứt rác bừa bãi, ... Ngoài ra, xã vận động nhân dân lắp đặt camera an ninh với nhiều mắt camera được lắp tại các hộ gia đình và dọc các tuyến đường giao thông xã, thôn, xóm phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã.

- Công an xã được cơ cấu 13 đồng chí, trong đó: công an chính quy có 07 đồng chí và 06 đồng chí công an viên. Tập thể Công an xã hàng năm liền đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên; không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.

Năm 2020, Công an xã được Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Năm 2021, Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”; Được Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021.

Năm 2023, Công an xã được Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên công nhận là Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành điều lệnh Công an nhân dân.

Năm 2024, Công an xã được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen do có thành tích tiêu biểu trong thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh trật tự Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024.

c. Tự đánh giá: Đạt

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Chủ trương của Đảng - Nhà nước về xây dựng nông thôn mới phù hợp với lòng dân, đồng thời xã đã triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới kịp thời, đúng quy trình, nên đã đạt hiệu quả cao.

Các công trình đã được xây dựng và phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh quốc phòng của địa phương. Tạo động lực thúc đẩy phát triển CNH-HDH nông nghiệp, nông thôn. Tăng thu nhập cho người lao động, giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Tình hình ANTT ổn định, văn hóa xã hội, kinh tế phát triển; Nhân dân ngày càng tin tưởng với sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước. Đời sống nhân dân từng bước cải thiện đi lên, diện mạo quê hương có nhiều thay đổi tích cực.

Có điểm xuất phát khá, đất đai màu mỡ, người dân hiền lành, chịu khó và hăng say sản xuất và kinh doanh phát triển mạnh các loại cây trồng vật nuôi; có nhiều yếu tố thuận lợi để nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Nhận thức của một số ít cán bộ và nhân dân ban đầu về đầu tư xây dựng NTM chưa thực sự tin tưởng, đôi khi còn trông chờ và ỷ lại vào cấp trên, nhưng đến nay đã hiểu rõ và cùng chung tay thực hiện xây dựng một nông thôn mới phát triển và giàu đẹp.

Cơ sở hạ tầng tuy được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn theo tiêu chí quy định nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chung cho sự phát triển của toàn xã hội.

Tiêu chí Giáo dục, giao thông tuy đạt nhưng cần phải tiếp tục chỉ đạo thực hiện và đầu tư một số hạng mục trong thời gian tới. Tiêu chí môi trường còn phải cố gắng hoàn thiện hơn nữa. Triển khai xây dựng một số công trình còn chậm tiến độ do thiếu nguồn vốn đầu tư.

3. Một số kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới của xã

Thứ nhất, Cấp ủy Đảng, chính quyền xác định đúng đắn xây dựng NTM phải nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân là mục tiêu cơ bản. Do vậy, phải thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội, đặc biệt phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của nhân dân; xây dựng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những nhu cầu cấp bách; phát huy tối đa các nguồn lực, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, tạo điều kiện thu hút đầu tư từ bên ngoài, phát huy nội lực về trí tuệ, công sức,

tiền bạc của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư; mở rộng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mọi lợi ích đều phải nhằm phục vụ nhân dân; phát triển nông nghiệp phải đi đôi với phát triển ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, đảm bảo môi trường sinh thái; chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ hai, Cấp ủy Đảng, chính quyền đã làm tốt công tác dân vận, nhất là việc đẩy mạnh các mô hình dân vận khéo thực hiện xây dựng NTM, coi đây như là chìa khóa mở ra cánh cửa thành công, đem lại nét tươi mới cho bức tranh nông thôn. Công tác dân vận trên địa bàn xã Đức Hợp thời gian qua đã tập trung hướng mạnh vào nội dung này và đã được triển khai ở tất cả các thôn, các đoàn thể tham gia xây dựng NTM.

Thứ ba, cấp ủy Đảng, chính quyền xác định được hiệu quả lớn lao sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị ở cơ sở, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng ủy, cùng với sự giúp đỡ kịp thời có hiệu quả của cấp trên sẽ là yếu tố quyết định cho sự thành công về xây dựng NTM.

Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội để xây dựng NTM, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, để không một ai đứng ngoài cuộc, phải thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở để “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và hưởng thụ”.

Thứ tư, cấp ủy Đảng, chính quyền lãnh đạo đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động xây dựng NTM một cách thường xuyên, sâu rộng, thiết thực với nhiều hình thức để cán bộ và nhân dân, mọi người, mọi nhà hiểu được ý nghĩa, quyền lợi và trách nhiệm của mình, từ đó chung sức, chung lòng, bắt tay xây dựng NTM. Xây dựng NTM là phát triển toàn diện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân, do đó công tác tuyên truyền vận động là quan trọng nhất, để nhân dân nhận thức được việc xây dựng NTM là việc làm của chính gia đình, bản thân mình để tự họ phấn đấu và chung tay góp sức xây dựng NTM.

Thứ năm, cấp ủy Đảng, chính quyền lựa chọn, xác định nhiệm vụ ưu tiên, triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo niềm tin cho nhân dân. Xác định nhiệm vụ ưu tiên có tính quyết định thành công của xây dựng nông thôn mới. Trước hết là công tác quy hoạch. Đồng thời chọn lựa những công việc có tính cấp bách, được nhân dân ủng hộ để tập trung triển khai. Phải nhận thức sâu sắc và tập trung cho phát triển sản xuất bền vững, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân, xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, là nhân tố quyết định sự thành công về xây dựng NTM.

VI. Giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Quan điểm

Cán bộ, Đảng viên và nhân dân xã Đức Hợp quyết tâm, nỗ lực hơn nữa, tiếp tục phát huy truyền thống của quê hương, đoàn kết thống nhất một lòng chung tay góp sức tiếp tục xây dựng quê hương Đức Hợp giàu đẹp, để xứng đáng là xã nông thôn mới toàn diện và bền vững.

Xây dựng nông thôn mới còn là cuộc vận động rộng rãi, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia; trong đó cấp ủy Đảng đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã và các đoàn thể xã hội có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, nông dân vừa là chủ thể thực hiện, vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả đạt.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình MTQG xây dựng NTM nhằm tạo sự đồng thuận và phát huy tối đa nội lực của nhân dân thúc đẩy nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới với nguyên tắc “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ*”

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện của Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM đảm bảo đúng tiến độ, nội dung kế hoạch đã đặt ra trong xây dựng NTM.

Xử lý đất dôi dư xen kẹt và đấu giá đất giải dân để tiếp tục nâng cao các tiêu chí đã đạt nhưng còn ở mức thấp.

Khai thác mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng NTM một cách toàn diện.

2. Mục tiêu

- Xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức hợp lý gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ gắn phát triển nông thôn với đô thị, xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ quốc phòng, an ninh được được giữ vững.

- Phân đầu năm 2024 có 1 khu dân cư đạt Khu dân cư NTM kiểu mẫu; xã đạt xã NTM kiểu mẫu về Giáo dục vào năm 2024.

3. Nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí

3.1 Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đảm bảo xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn.

3.2. Nâng cao, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, đảm bảo đồng bộ

- Giao thông: tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống giao thông trên địa bàn (đặc biệt là hệ thống đường trục xã, trục chính nội đồng) nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận tiện, an toàn

- Thủy lợi: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, thường xuyên duy tu, khơi thông dòng chảy để đảm bảo nước tưới tiêu cho 100% diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Trường học: Duy trì mức đạt chuẩn về cơ sở vật chất của các trường học; tiếp tục đầu tư thêm về trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học trong các nhà trường, xây dựng mô hình phòng học thông minh; xây dựng cảnh quan trường học, lớp học sạch sẽ, thoáng mát, bố trí khoa học các thiết bị học tập.

- Hạ tầng thương mại nông thôn: Tiếp tục đầu tư nâng cấp một số gian hàng của chợ để đáp ứng nhu cầu buôn bán của nhân dân.

3.3. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao mức sống của người dân nông thôn

- Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chủ lực trên địa bàn xã. Đặc biệt chú trọng đến cây trồng chủ lực của xã hiện nay như cây chuối, cây bưởi tuyên truyền nhân dân sản xuất theo hướng VietGAP đảm bảo nông sản sạch cho người tiêu dùng mang lại thu nhập bình quân đầu người đạt và vượt mức quy định của vùng.

- Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng sản xuất tập trung, cơ giới hóa đồng bộ; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn nhằm thúc đẩy kinh tế trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Tiếp tục tuyên truyền các hợp tác xã trên địa bàn ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ nông sản, thích ứng với cơ chế thị trường

3.4. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường nhằm đáp ứng cho nhu cầu dạy và học ngày một cao hơn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đa

dạng hóa các hình thức dạy và học; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục; duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học phổ thông hoặc tương đương; duy trì phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi; tiếp tục nâng cao mức đạt chuẩn phổ cập giáo dục ở các bậc học.

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ban đầu cho người dân, đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục; chú trọng đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.

3.5. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn.

Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao, gắn với tổ chức cộng đồng, kết nối các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho người dân nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi; phát động các phong trào rèn luyện thể dục thể thao phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; mô hình về phát huy, kết nối thiết chế văn hóa truyền thống và thiết chế văn hóa mới đảm bảo sự đa dạng về văn hóa.

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; khai thác các mô hình bảo tồn, phát huy và giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ cho phát triển du lịch.

3.6 Nâng cao chất lượng môi trường nông thôn

Tiếp tục tuyên truyền về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo theo quy định, khuyến khích đẩy mạnh và nhân rộng mô hình phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn; tăng cường thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi...) ngay từ nguồn phát sinh theo nguyên lý tuần hoàn, khuyến khích xây dựng các cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

Giữ gìn khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp; khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; phát động các phong trào dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm; trồng cây xanh, hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh – sạch – đẹp

3.7 Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công chức xã: Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước theo quy định; các tổ chức chính trị xã hội tích cực chủ động tham gia xây

dựng nông thôn mới; tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ công và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

3.8. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội và quốc phòng

Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và những vi phạm pháp luật ở thôn xóm; đảm bảo giữ gìn ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

Thường xuyên thực hiện tuyên truyền giáo dục kiến thức quốc phòng quân sự cho cán bộ và nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng; hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024 của xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 597/BC-UBND ngày 21/6/2024 của UBND xã Đức Hợp)/.

Nơi nhận:

- BCĐ xây dựng NTM huyện KĐ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- BCĐ xây dựng NTM xã;
- UBMTTQ VN xã;
- Các TC thành viên UBMTTQ xã;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VP, ĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hằng